

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 12-10-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Võ Tới - Kiểm sát viên

Ngày 12/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 316/2018/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm: 1982 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đào Trọng H, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, Huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 7 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T tự nguyện chung sống với ông Đào Trọng H và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, Huyện L, tỉnh Bình Phước vào năm 2003. Trước khi kết hôn, hai bên tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tự lập tại ấp T, xã L, Huyện L, tỉnh Bình Phước. Thời gian chung sống từ khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, ông H hay ghen tuông, đánh vợ. Đến tháng 04/2018 thì mâu thuẫn càng thêm trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông H đánh bà T nhiều hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Nay nhận thấy

không thể hàn gắn mâu thuẫn và sống chung được nữa nên bà T xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con tên Đào Anh H, sinh ngày: 18/02/2003 và con tên Đào Thị Hồng H, sinh ngày: 24/11/2006. Hiện đang sống chung với ông H. Khi khởi kiện bà T yêu cầu được nuôi con, tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện là đồng ý cho ông H nuôi dưỡng cả hai con. Bà T không cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, hiện nay bà T không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đào Trọng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H thống nhất với bà T về quan hệ hôn nhân. Về thời gian mâu thuẫn ông H cũng thống nhất là trong cuộc sống hôn nhân giữa ông H và bà T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu và bắt đầu trầm trọng hơn từ tháng 4/2018. Ông có ghen tuông, đánh vợ vài lần nhưng nguyên nhân là do bà T có thái độ cư xử quá mức với người đàn ông khác và ít quan tâm chồng. Nay bà T xin ly hôn thì ông H không đồng ý ly hôn với bà T vì còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Ông H thống nhất vợ chồng chỉ có 02 con chung tên Đào Anh H, sinh ngày: 18/02/2003 và Đào Thị Hồng H, sinh ngày: 24/11/2006. Vợ chồng không có con nuôi và hiện bà T cũng không mang thai với ông H. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì ông H xin nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Ông H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng theo luật định. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

+ Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông H

Về con chung: Giao con tên Đào Anh H, sinh ngày: 18/02/2003 và con tên Đào Thị Hồng H, sinh ngày: 24/11/2006 cho ông H nuôi dưỡng

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà T và ông H khai không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Bà T chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện L yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Đào Trọng H. Xét ông H cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là ông Đào Trọng H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 09/6/2003 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù tại phiên tòa, ông H vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2018 và biên bản phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 24/9/2018 thì ông H thống nhất giữa bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn từ lâu nhưng đến tháng 04/2018 thì bắt đầu trầm trọng hơn, hiện vợ chồng cũng đã sống ly thân. Theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau và ông H hay ghen tuông, đánh đập vợ. Quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng thừa nhận ông có ghen tuông và đánh bà T vài lần nhưng nguyên nhân là do bà T có quan hệ cư xử quá mức với người đàn ông khác và không quan tâm ông H.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T đã phát sinh từ lâu và trầm trọng hơn từ tháng 4/2018 cho đến nay. Ông H mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay vẫn chưa hóa giải được mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông H và yêu cầu được ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông H không có khả

năng hàn gắn, trình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T và ông H có hai con chung, con tên Đào Anh H, sinh ngày: 18/02/2003 và Đào Thị Hồng H, sinh ngày: 24/11/2006. Khi khởi kiện, bà T yêu cầu được nuôi hai con nhưng tại phiên tòa bà T đồng ý cho ông H nuôi dưỡng. Ông H cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Xét thấy cháu Đào Anh H có nguyện vọng được sống chung với cha, cháu Đào Thị Hồng H thì có ý kiến sống với cha hay mẹ đều được và hiện cả hai cháu cũng đang sống chung với ông H, nên giao cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị T và ông Đào Trọng H.

2. Về con chung: Giao con tên Đào Anh H, sinh ngày 18/02/2003 và con tên Đào Thị Hồng H, sinh ngày 24/11/2006 cho ông H nuôi dưỡng

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Bà T chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006061 ngày 06/8/2018.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên